

KINH THỦ LĂNG NGHIÊM

QUYỂN 8

Đoạn 4: Kết Luận Về Bản Nhân Của Điên Đảo Để Khởi Mối Cho Ý Nghĩa Tiệm Thứ Tu Tập

Chánh văn:

A-nan! Như thế chúng sinh trong mỗi mỗi loài, cũng đều đủ hết mười hai thứ điên đảo. Cũng như bụi con mắt, thì hoa đốm đủ thứ phát sinh ra, chân tâm diệu viên trong sạch sáng suốt mà điên đảo, nên đầy đủ những tư tưởng càn loạn giả dối như vậy. Nay ông tu chứng Tam-ma- đề của Phật, đối với những tư tưởng càn loạn, làm nguyên nhân cội gốc của các điên đảo, nên lập ra ba tiệm thứ mới trừ diệt được, cũng như nơi trong vật đựng trong sạch, trừ bỏ mật độc, dùng nước nóng và các thứ chất tro, chất thơm rửa sạch rồi, về sau mới đựng nước cam lộ

*** Chú thích:**

Phật kết luận, do nhận thức mê lầm của chúng sinh mà có những tâm niệm điên đảo, phân biệt ra có năng, có sở, có thân, có cảnh, có ngã, có pháp, có thời gian, có không gian, cho đến có mười hai loài chúng sinh. Ví như bụi con mắt, thì đủ thứ hoa đốm sinh ra, khi chúng sinh dùng những vọng tưởng phân biệt mà huân tập bản lai tự tánh, thì bản lai tự tánh theo sự huân tập đó mà hiện ra nhiều cảnh giới sai khác.

Nguyên do của việc biểu hiện như thế là vọng tưởng. Tất cả cảnh giới do vọng tưởng huân tập biểu hiện ra, đều như cảnh chiêm bao, vốn không có gì. Nhận thức thấy được tất cả sự vật biến hiện, đều chỉ là nhất tâm, không có sai khác thì diệt trừ được vọng tưởng và chứng được bản lai tự tánh, chừng đó mới biết tâm tánh bản lai không sinh, không diệt, như như bình đẳng, nơi chư Phật cũng không thêm, nơi chúng sinh cũng không bớt và mới biết chúng sinh bản lai đã thành Phật rồi, bản lai không có hư vọng phải trừ, không có chân như phải chứng, điều cốt yếu là chuyển nhận thức sai lầm, thành nhận thức đúng đắn mà thôi.

Song, vì tâm tánh chúng sinh bị huân tập lâu đời theo các vọng

tưởng, nên cần phải huân tập lâu ngày theo chánh pháp, mới lần lượt diệt trừ được thói quen vọng tưởng, do đó cần lập ra ba tiệm thứ để gọi rửa những thói quen hư vọng. Ba tiệm thứ này, không phải có những vị trí cố định và căn cơ của mỗi chúng sinh cũng khác nhau nhiều, có người thì đốn tu và đốn ngộ, có người thì đốn tu mà tiệm ngộ, có người thì tiệm tu mà đốn ngộ, có người thì tiệm tu và tiệm ngộ. Giác ngộ sâu hay cạn, tùy theo việc chuyển nhận thức sâu hay cạn, và việc chuyển nhận thức này, một phần lớn, cũng tùy sự huân tập theo chánh pháp thật đúng đắn hay chưa thật đúng đắn.

Đoạn 5: Khai Thị Ba Tiệm Thứ

Chánh văn:

Thế nào gọi là ba tiệm thứ? Một là tu tập trừ các trợ nhân. Hai là chân tu gột sạch chánh tánh. Ba là tăng tiến xoay chuyển hiện nghiệp.

Thế nào là trợ nhân? A-nan! Mười hai loài chúng sinh đó trong thế giới, không thể tự toàn, phải nương theo bốn cách ăn mà tồn tại, nghĩa là nương theo đoạn thực, xúc thực, tư thực và thức thực, vậy nên Phật bảo tất cả chúng sinh đều nương với cái ăn mà tồn tại. A-nan! Tất cả chúng sinh, ăn thức lành thì sống, ăn thức độc thì chết, vậy các chúng sinh cầu Tam-ma-đề, nên dứt bỏ năm thứ rau cay trong thế gian. Năm thứ rau cay này, ăn chín thì phát tâm dâm, ăn sống thì thêm lòng giận. Những người ăn rau cay đó, trên thế giới dù biết giảng nói mười hai bộ loại kinh văn, nhưng thiên tiên mười phương hiềm vì nó hôi nhớp nên đều tránh xa cả, các loài ngạ quỷ v.v... nhân trong lúc người kia ăn rau cay, liếm môi mép của người đó, người ấy thường ở với quỷ một chỗ, phước đức ngày càng tiêu, hằng lâu không được lợi ích. Người ăn rau cay đó, tu pháp Tam-ma-đề, Bồ-tát, Thiên tiên, Thiện thần nơi mười phương không đến giữ gìn ủng hộ, Đại lực Ma vương được phương tiện đó, hiện ra thân Phật, đến thuyết pháp cho người kia, chê, phá giới cấm, tán thán dâm dục, nóng giận, si mê, đến khi mạng chung, người ấy tự làm quyến thuộc của Ma vương, khi hưởng thọ phước ma hết rồi, bị đọa vào ngục Vô gián. A-nan! Người tu đạo Bồ-đề phải đoạn hẳn năm thứ rau cay, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ nhất.

Thế nào là chân tánh? A-nan! Chúng sinh như vậy vào Tam-ma-đề, cốt yếu trước hết, phải nghiêm chỉnh giữ giới thanh tịnh, đoạn hẳn lòng dâm, không dùng rượu thịt, chỉ ăn đồ ăn trong

sạch nấu chín, không ăn đồ sống. A-nan! Người tu hành đó, nếu không đoạn dâm dục và sát sinh, mà ra khỏi được ba cõi, thì thật không có lẽ như vậy. Nên xem sự

dâm dục như là rắn độc, như thấy giặc thù. Trước hết, phải giữ tứ khí, bát khí của giới luật Thanh văn, nắm giữ cái thân không lay động, về sau, hành trì luật nghi thanh tịnh Bồ-tát, nắm giữ cái tâm không khởi lên. Giới cấm đã thành tựu, ở trong thế gian hẳn không còn những ng- hiệp sinh nhau, giết nhau, đã không làm việc trộm cướp, thì không còn mắc nợ nhau và cũng khỏi phải trả các nợ từ kiếp trước trong thế gian. Con người thanh tịnh ấy, tu pháp Tam-ma-đề, chính nơi nhục thân cha mẹ sinh ra, không cần thiên nhân, tự nhiên thấy được mười phương thế giới, thấy Phật nghe pháp, chính mình vâng lãnh Thánh chỉ của Phật, được pháp đại thần thông, đi khắp mười phương thế giới, tức mạng được thanh tịnh, không còn những điều khó khăn nguy hiểm, ấy gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ hai.

Thế nào là hiện nghiệp? A-nan người giữ gìn giới cấm thanh tịnh như vậy, tâm không tham dâm, không hay dong ruổi theo sáu trần ở ngoài, thân không dong ruổi, tự xoay lại về tánh bản nguyên, trần đã không duyên, thì căn không ngẫu hợp với đâu nữa, trở ngược dòng về chỗ toàn nhất, sáu cái dụng không hiện hành, cõi nước nơi mười phương sáng suốt thanh tịnh, ví như ngọc lưu ly, có mặt trăng sáng treo ở trong ấy. Thân tâm khoan khoái, tánh diệu viên bình đẳng, được đại an ổn, tất cả mặt viên tịnh diệu các Đức Như Lai đều hiện trong đó, người ấy liền được pháp nhãn vô sinh. Từ đó, lần lượt tu tập, tùy cái hạnh phát ra mà an tập các Thánh vị, đó gọi là tiệm thứ tu hành tăng tiến thứ ba.

*** Chú thích:**

Muốn tiêu diệt hoàn toàn các vọng tưởng và đầy đủ vô lượng công đức, thì người tu hành có thể chia con đường tu làm ba giai đoạn. Giai đoạn đầu là tu tập trừ những cái nhân giúp đỡ cho vọng tưởng tăng trưởng, giai đoạn thứ hai, là thuận theo chân tánh mà tu hành, diệt trừ cội gốc của vọng tưởng, giai đoạn thứ ba, là tăng tiến tu hành, chuyển cái nghiệp dụng của chúng sinh, thành cái diệu dụng của chư Phật. Nếu giải thích ba giai đoạn này theo cái ví dụ “đồ đựng sạch, đựng mật độc trước kia” thì giai đoạn đầu là giai đoạn tu tập đoạn trừ các niệm phân biệt, các phiền não, luôn luôn làm tăng trưởng những tư tưởng hư vọng của chúng sinh, nói một cách khác, là cần phải giữ giới luật của Bồ-tát cho thật thanh tịnh, đi đến cái tâm không sát,

cái tâm không đạo, cái tâm không dâm, không vọng, cái tâm không tham, sân, si, vân vân..., bằng cách phát tâm chánh tín, tu pháp quán không, hay là pháp như huyễn Tam-ma-đề, hết giai đoạn này, đã đổ hết mật độc, chỉ còn một ít dính trong đồ đựng mà thôi. Giai đoạn thứ hai, thì thuận theo chân tánh

mà tu hành, trừ bỏ cội gốc của vọng tưởng, bằng cách quán giả hoặc đi sâu vào như huyễn Tam-ma-đề. Trong giai đoạn này, phân biệt ngã chấp, phân biệt pháp chấp tuy đã trừ hết, nhưng câu sinh ngã chấp, câu sinh pháp chấp vẫn còn, nên cần phải dùng chánh quán luôn luôn huân tập tự tâm, để cho giống chánh trí càng ngày, càng mạnh hẳn lên, đi đến ngăn chặn hẳn, không cho câu sinh ngã chấp và câu sinh pháp chấp hiện hành nữa, đến khi cả hai chấp câu sinh đều diệt trừ, chỉ còn sở tri ngu vi tế, thì chứng được Nhất chân như tâm, lên đệ bát địa.

Giai đoạn thứ ba là giai đoạn tăng tiến tu hành, phát khởi cái diệu dụng của chân như, hiện thân trong các loài để hóa độ chúng sinh, chuyển sinh diệt thành Niết-bàn, đi đến chứng được thật tướng của các pháp, đầy đủ vô lượng công và nhập một với pháp giới tánh. Chừng đó mới biết “phiền não tức Bồ-đề, chúng sinh tức Phật” là sự thật hiển nhiên, chứ không phải chỉ là những lý luận khuyến khích chúng sinh tu hành. Khi ấy toàn thể nghiệp dụng mê lầm của chúng sinh, đều chuyển thành diệu dụng độ sinh của chư Phật và Nhất thiết chủng thức cũng chuyển thành Nhất thiết chủng trí.

Ý nghĩa của ba tiệm thứ thực tế là như vậy, nhưng lòng từ bi của Phật lại giải thích một cách đơn giản hơn, để giúp đỡ cho những căn cơ thấp kém, có thể lần lượt tu hành từng bước một, rồi cũng đi đến thành đạo chứng quả. Vì thế, về “trừ trợ nhân”, Phật dạy trước nhất, cần phải dứt khoát không ăn năm thứ rau cay là hành, hẹ, tỏi, nén và hưng cừ. Hưng cừ là một thứ củ ở Ấn độ, mà người Ấn độ thường dùng để làm đồ gia vị. Các giống rau cay này kích thích rất mạnh, ăn chín thì phát tâm dâm, ăn sống thì thêm lòng giận, lại thường làm cho người ăn tham đắm các vị, nên cần phải dứt bỏ.

Trong đoạn này, Phật có nhắc lại chúng sinh đều do bốn cách ăn mà sống. Bốn cách ăn ấy là:

1. Đoàn thực: ăn các đồ ăn rồi tiêu hóa để bồi dưỡng thân thể.
2. Xúc thực: là do các cảm xúc mà duy trì sự sống, xúc trần là cảnh của thân căn, căn và cảnh đối đãi với nhau mà có, nếu thiếu xúc trần, thì thân căn không thể tự mình được an toàn, vì thế, khi mất cảm xúc ở một bộ phận lớn của lớp da bọc thân thể, như khi bị phỏng da

rộng, thì người ta phải chết.

3. Tư thực: là nhờ tư tưởng mà duy trì sự sống. Vì thế, những người đau bệnh tư tưởng, mất hết hy vọng, không muốn sống nữa, thì thường phải chết.

4. Thức thực: là cái đệ bát thức duy trì sự sống còn của thân thể.

Đệ bát thức là làm cho sống, nên khi đệ bát thức rời bỏ thân thể, thì thân thể phải chết. Sự phân tích có bốn cách ăn như thế là rất tử mỹ, nó cắt nghĩa tại sao, nhiều người phải chết, trong lúc bộ máy thân thể vẫn còn có thể hoạt động như thường.

Về phần “nạo sạch chánh tánh”, Phật dạy cần phải trì giới ng- hiem chỉnh, nắm giữ cái thân không phạm, nắm giữ cái tâm không khởi lên, làm cho thân tâm đều được thanh tịnh. Muốn trì giới được như thế, cần phải tu tập chánh quán, như hai mươi lăm vị Thánh nhân đã trình bày, thì mới có thể nắm giữ cái tâm không khởi lên được.

Về phần “trái hiện nghiệp”, xoay về bản tánh, thì Phật dạy: Do thân tâm được thanh tịnh mà thoát ly được tiền trần, xoay được nội căn trở về bản lai tự tánh, đi đến chứng được trí vô phân biệt, thành tựu vô lượng vô biên công đức của chư Phật.

Đoạn 6: An Lập Các Thánh Vị

Chánh văn:

Chi 1: *Cần tuệ địa.*

A-nan! Thiện nam ấy, lòng dục ái khô cạn, căn và cảnh không ngẫu hợp, thân hiện tiền còn lại không còn tiếp tục sinh ra nữa, nắm cái tâm rộng sáng, thuần là trí tuệ, tánh trí tuệ sáng suốt cùng khắp, soi thấu mười phương thế giới, chỉ có cái tuệ khô khan ấy, nên gọi là Cần tuệ địa, tập khí nơi năm dục mới khô cạn, chưa tiếp giáp với dòng nước pháp của các Đức Như Lai.

Chi 2: *Thập tín.*

Tức lấy cái tâm ấy, chính giữa lần vào, tánh viên diệu mở mang, từ chỗ chân diệu viên lại phát ra chân diệu. Tánh diệu tín thường trụ, tất cả vọng tưởng diệt hết không còn, trung đạo được thuần chân, gọi là Tín tâm trụ.

Chân tín tỏ rõ, tất cả đều viên thông, ba thứ ấm, giới, nhập không thể làm ngăn ngại, như thế cho đến trong vô số kiếp quá khứ, vị lai, tất cả tập khí xả thân, thọ thân đều hiện ra trước mặt, thiện nam ấy đều có thể nhớ nghĩ được, không quên mất, gọi là Niệm tâm trụ.

Tánh viên diệu thuần chân, chân tinh phát hóa ra, các tập khí vô thủ đều thông vào một tánh tinh minh, chỉ dùng tinh minh

ấy, tiến đến chỗ chân tịnh, gọi là Tịnh tiến tâm.

Tâm tịnh hiện tiền, thuần dùng trí tuệ, gọi là Tuệ tâm trụ.

Nắm giữ trí tuệ sáng suốt, lặng đứng cùng khắp, tánh tịch diệu thường đứng lại, gọi là Định tâm trụ.

Định quang phát sáng, đi sâu vào tánh sáng suốt, chỉ có tới, chứ không lui, gọi là Bất thoái tâm.

Tâm an nhiên đi tới, giữ gìn không mất, giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai, gọi là Hộ pháp tâm.

Giữ gìn tánh giác minh, có thể dùng diệu lực xoay từ quang của Phật về nơi mình và hướng về Phật mà an trụ, cũng như hai gương sáng đối nhau, trong đó các bóng nhiệm màu lớp lớp lồng nhau, gọi đó là Hồi hướng tâm.

Tự tâm thâm xoay Phật quang trở về, được vô thượng diệu tịnh thường trụ của Phật, an trụ nơi vô vi, được không bỏ mất, gọi là Giới tâm trụ.

Tự tại an trụ nơi giới có thể đi khắp mười phương, tùy nguyện mà đi, gọi là Nguyện tâm trụ.

Chi 3: Thập trụ.

A-nan! Thiện nam đó dùng phương tiện chân chánh phát được mười cái tâm ấy, tâm tánh đã phát huy, mười cái dụng ấy xen lẫn với nhau, viên thành một tâm, gọi là Phát tâm trụ.

Trong tâm phát ra sáng suốt, như ngọc lưu ly trong sạch, ở trong hiện ra vàng ròng, dùng cái diệu tâm trước kia, sửa sang thành chỗ nương đứng, gọi là Trì địa trụ.

Tâm địa biết khắp, đều được rõ ràng, đi cùng mười phương, được không ngăn ngại, gọi là Tu hành trụ.

Hạnh đồng với Phật, nhận khí phần của Phật như thân trung ấm tự câu cha mẹ, âm tín thâm thông vào giống Như Lai, gọi là Sinh quý trụ. Đã vào đạo thai, chính mình nhờ được sự nuôi nấng của tánh giác, như cái thai đã thành, tương người không thiếu, gọi là Phương tiện cụ túc trụ.

Hình dáng như Phật, tâm tướng cũng vậy, gọi là Chánh tâm trụ. Thân tâm hợp thành, ngày càng tăng trưởng, gọi là Bất thoái trụ. Linh tướng mười thân, một thời đầy đủ, gọi là Đồng chân trụ.

Hình đã thành, ra khỏi thai, chính mình làm Phật tử, gọi là Pháp vương tử trụ.

Nghi biểu đã thành người lớn, như khi một quốc vương, phân công ủy nhiệm cho thái tử các việc nước, thì quốc vương kia, lúc thái tử trưởng thành, bày ra lễ quán đảnh, gọi là Quán đảnh

trụ.

Chi 4: *Thập hạnh.*

A-nan! Thiện nam đã thành Phật tử rồi, đầy đủ diệu đức vô lượng của Như Lai và tùy thuận mười phương, gọi là Hoan hỷ hạnh.

Khéo biết làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, gọi là Nhiều ích hạnh. Tự giác và giác tha, được không chống trái, gọi là Vô sân hận

Theo các chủng loại mà hiện ra sắc thân cùng tột vị lai, ba đời đều

bình đẳng, mười phương được thông suốt, gọi là Vô tận hạnh.

Tất cả đều hợp về đồng, nơi các thứ pháp môn, được không sai lầm, gọi là Ly si loạn hạnh.

Rồi ở trong chỗ đồng, hiện ra các cái khác, nơi mỗi mỗi tướng khác, mỗi mỗi đều thấy là đồng, gọi là Thiện hiện hạnh.

Như vậy, cho đến mười phương hư không đầy khắp vi trần và trong mỗi mỗi vi trần hiện ra mười phương thế giới, hiện vi trần, hiện thế giới, không ngăn ngại nhau, gọi là Vô trước hạnh.

Các thứ hiện tiền, đều là đệ nhất Ba-la-mật đa, gọi là Tôn trọng hạnh.

Mỗi mỗi đều là nhất chân vô vi, thanh tịnh vô lậu, vi tánh bản nhiên là như vậy, gọi là Chân thật hạnh.

Chi 5: *Thập hồi hướng.*

A-nan! Thiện nam đó đầy đủ thần thông, thành tựu Phật sự rồi, toàn là một tánh chân thuần khiết, xa các lỗi lầm, chính khi hóa độ chúng sinh mà diệt tướng về chủ thể độ, đối tượng được độ, xoay tâm vô vi hướng về đường Niết-bàn, gọi là Hồi hướng cứu hộ nhất thiết chúng sinh, ly chúng sinh tướng.

Diệt hoại tất cả cái gì có thể diệt hoại, viễn ly các sự ly, gọi là Hồi hướng bất hoại.

Tánh bản giác đứng lặng, giác ngộ bằng Phật, gọi là Hồi hướng đẳng nhất thiết Phật.

Tánh chân phát ra sáng suốt, tâm địa như Phật địa, gọi là Hồi hướng chúng sinh nhất thiết xứ.

Thế giới và Như Lai dung hợp vào nhau, được không ngăn ngại, gọi là Hồi hướng vô tận công đức tạng.

Nơi đồng với Phật địa, trong ấy phát sinh ra các nhân thanh tịnh, nương nhân ấy mà phát huy đi đến đạo Niết-bàn, gọi là Hồi hướng tùy thuận bình đẳng căn thiện.

Chân căn đã thành tựu, mười phương chúng sinh đều là bản tánh của mình, bản tánh viên mãn thành tựu, không bỏ mất chúng sinh, gọi là Hồi hướng tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh.

Tức tất cả pháp, ly tất cả tướng, cả tức và ly, hai cái đều không còn vướng mắc, gọi là Hồi hướng chân như tướng.

Thật được như như, mười phương khấn nguyện, gọi là Hồi hướng vô phược giải thoát.

Tánh đức viên mãn thành tựu, lượng của pháp giới diệt, gọi

là Hồi hương pháp giới vô lượng.

Chi 6: *Tứ gia hạnh.*

A-nan! Thiện nam đó tu hết bốn mươi một tâm thanh tịnh ấy rồi lại thành tựu bốn thứ gia hạnh diệu viên.

Tức lấy Phật giác, dùng làm tâm mình, như ra nhưng chưa ra, ví như dùi cây để cho ra lửa mà đốt cái cây, gọi là Noãn địa.

Lại lấy tâm mình, thành chỗ đứng của Phật, hình như nươg, nhưng không phải nươg, ví như người lên chóp núi cao, thân đã vào hư không, nhưng ở dưới còn chút ngăn ngại, gọi là Đảnh địa.

Tâm và Phật là đồng, khéo được trung đạo, ví như người biết nhìn, không phải ôm vào, nhưng cũng không phải phát ra, gọi là Nhãn địa.

Số lượng đều tiêu diệt, mê, giác và trung đạo, cả hai đều không có gì, gọi là Thế đệ nhất địa.

Chi 7: *Thập địa.*

A-nan! Thiện nam đó thông suốt đúng đắn đạo Đại Bồ-đề, chỗ giác ngộ thông với Như Lai, cùng tột cảnh giới của Phật, gọi là Hoan hỷ địa.

Tánh khác nhập với đồng, tánh đồng cũng diệt, gọi là Ly cấu địa.

Thanh tịnh cùng tột, sáng suốt sinh ra, gọi là Phát quang địa. Sáng suốt tột, giác viên mãn, gọi là Diệm tuệ địa.

Tất cả cái đồng, cái khác, không thể đến được, gọi là Nan thắng

Bản tánh thanh tịnh vô vi, chân như tỏ ngộ, gọi là Hiện tiền địa. Tột bờ bến chân như, gọi là Viên hành địa.

Một tâm chân như, gọi là Bất động địa.

Phát cái dụng chân như, gọi là Thiện tuệ địa.

A-nan! Các Bồ-tát đó, từ đây về trước, công hạnh tu tập đã xong, công đức được viên mãn, cũng gọi địa này là Tu tập vị, bóng từ, mây diệu, trùm bể Niết-bàn, gọi là Pháp vân địa.

Chi 8: *Kết thúc bằng hai quả vị Đẳng giác và Diệu giác.*

Như Lai ngược dòng trở lại, vị Bồ-tát đó thuận dòng đi tới, giác ngộ vào chỗ giao tiếp với nhau, gọi là Đẳng giác.

A-nan! Từ tâm Càn tuệ đến Đẳng giác rồi, giác đó mới bắt đầu được Càn tuệ địa trong tâm Kim cương, như vậy lớp lớp tu đơn, tu kép

mười hai vị mới cùng tột là Diệu giác, thành đạo Vô thượng.

Các thứ địa ấy đều dùng trí Kim cương quán sát mười thứ ví dụ như huyền sâu xa, trong Xa-ma-tha, dùng pháp Tỳ-bà-xá-na của các Đức Như Lai mà thanh tịnh chứng, lần lượt đi sâu vào.

A-nan! Như thế đều dùng ba tiệm thứ tăng tiến, nên khéo thành tựu năm mươi lăm vị trong đường Bồ-đề chân thật. Làm cái quán như vậy, gọi là chánh quán, nếu quán cách khác, gọi là tà quán.

*** Chú thích:**

Chi 1: Càn tuệ địa.

Trên con đường tu hành như thế, những phiền não mê lầm ngày càng được tiêu trừ, và do những phiền não mê lầm được tiêu trừ ít hay nhiều mà an lập các Thánh vị. Các Thánh vị tuy có danh hiệu như nhau, nhưng lại khác nhau rất nhiều, tùy theo các Thánh vị ấy, là của Tạng giáo, của Thông giáo, của Biệt giáo hay của Viên giáo. Trong đoạn kinh này, Phật an lập các Thánh vị theo Biệt giáo. Thánh vị thứ nhất là Càn tuệ địa. Nơi Thánh vị này, không quán đã thành tựu, nhưng căn bản trí chỉ mới bắt đầu xuất hiện, chưa được viên mãn, chỉ khô khan có cái trí tuệ như thế, nên gọi là Càn tuệ địa.

Chi 2: Thập tín.

Mười Thánh vị sau là thập tín.

Dùng căn bản trí, vừa mới phát khởi, quán bản lai tự tánh, trừ diệt các vọng tưởng, nhận rõ thường trụ chân tâm, phát tâm tin chắc chắn quyết định thành Phật, gọi là Tín tâm trụ.

Chân tín đã được phát minh, hiện nghiệm không làm trở ngại được, thì có thể nhớ lại vô số kiếp về trước, gọi là Niệm tâm trụ.

Căn bản trí ngày càng phát huy, những tập khí mê lầm vô thỉ tuy còn, nhưng không làm trở ngại, tức dùng cái trí ấy xoay về chân lý, gọi là Tinh tiến tâm.

Chân lý hiện tiền, trí tuệ sáng suốt, gọi là Tuệ tâm trụ.

Trí được lý thì trí càng sáng suốt, lý được trí thì lý càng tịch tịnh, tuy tịch mà vẫn chiếu, tuy chiếu mà vẫn tịch, gọi là Định tâm trụ.

Định, tuệ dung hòa, đi sâu vào tự tánh, chỉ có tiến chứ không lui, gọi là Bất thoái tâm.

Tánh tịch chiếu hiện tiền, giao tiếp với khí phần mười phương Như Lai, gọi là Hộ pháp tâm.

An trụ nơi lý, trí dung hòa, tịch, chiếu không hai, thì xoay từ

quang của Phật đem về tự tâm, và dùng tự tâm hướng theo Phật mà an trụ, như hai mặt kính đối chiếu với nhau, các bóng nhiệm mầu lớp lớp lồng với

nhau, gọi là Hồi hướng tâm.

Tâm luôn luôn hướng về Phật, trí tuệ của Phật càng soi sáng tự tâm, Phật tức là tâm, tâm tức là Phật, cảm ứng thành tánh vô thượng diệu tịnh, thường trụ không thay đổi, an trụ nơi đạo vô vi, không còn tạm sa vào hữu vi, gọi là Giới tâm trụ.

An trụ nơi tâm vô vi, tùy nguyện đi khắp mười phương mà không sa vào hữu vi, gọi là Nguyện tâm trụ.

Mười vị thập tín trên đây, đều do phát huy căn bản trí vừa mới nảy nở ở Càn tuệ địa, đi sâu vào bản lai tự tánh, đầy đủ tín tâm, quyết định thành Phật.

Chi 3: Thập trụ.

Mười Thánh vị sau là thập trụ.

Khi đã dùng phương tiện chân chánh, phát được mười tín tâm ở trên, thì đã phát thêm trí tuệ, khế hợp chân lý, tin chắc tự tâm là Phật, phát tâm rộng lớn, tu hành viên mãn quả Phật, gọi là Phát tâm trụ.

Dùng cái tâm tánh đã phát minh làm chỗ nương đứng, để trừ sạch những thói quen mê lầm, gọi là Trị địa trụ.

Tâm tánh hiện tiền, mọi việc đều tỏ rõ, đi khắp mười phương làm Phật sự, không còn gì ngăn ngại, gọi là Tu hành trụ.

Hạnh đồng như Phật, nhận khí phần của Phật, vào giống Như Lai, gọi là Sinh quý trụ.

Đã vào đạo thai, nhờ Phật chăm sóc, phương tiện ngày càng đầy đủ, gọi là Phương tiện cụ túc trụ.

Tâm tướng đồng như Phật, từ bi hóa độ chúng sinh cũng đồng như Phật, gọi là Chánh tâm trụ.

Vận dụng cả bi và trí, ngày thêm tiến mãi đến chỗ diệu viên, gọi là Bất thoái trụ.

Một thời đầy đủ mười thân, gọi là Đồng chân trụ. (Mười thân của Như Lai là Bồ-đề thân, Nguyện thân, Hóa thân, Lực thân, Trang nghiêm thân, Uy thế thân, Ý sinh thân, Phước thân, Pháp thân, Trí thân, vị này tuy chưa được nhất thiết chủng trí, nhưng trí thể đã đầy đủ, tức tâm là Phật, nên có thể có đủ mười thân).

Ra khỏi Thánh thai, chính mình làm Phật tử, gọi là Pháp vương tử trụ.

Bi, trí đầy đủ, có thể được Phật uỷ thác làm các Phật sự,

như các ông vua, khi thái tử lớn lên, làm lễ quán đảnh, uỷ thác cho một phần công việc, gọi là Quán đảnh trụ.

Chi 4: *Thập hạnh.*

Mười Thánh vị sau là thập hạnh:

Trong mười vị trước, tu tập các đức tướng của Như Lai đã được đầy đủ, đến đây mới phát khởi các hạnh Bồ-tát.

Các vị tu hành, phương tiện đầy đủ, bỏ được ý riêng, theo căn cơ dục vọng của mười phương chúng sinh mà hóa độ, gọi là Hoan hỷ hạnh.

Trừ cái khổ phiền não, cho cái vui Bồ-đề khéo làm những việc lợi ích cho tất cả chúng sinh, gọi là Nhiều ích hạnh.

Tự giác cốt để giác tha, giác tha tức là tự giác, tùy cơ, tùy thời mà hóa độ, không trái với căn cơ của chúng sinh, thì gọi là Vô sân hận hạnh.

Tùy thuận các loài mà hiện thân hóa độ, mười phương ba đời đầy đủ trong đương niệm, phát được Bồ-đề nguyện rộng lớn không cùng, gọi là Vô tận hạnh.

Nhận được thật tướng của các pháp, tùy theo căn cơ dạy bảo tất cả pháp môn, không có sai lầm, gọi là Ly si loạn hạnh.

Lúc hiện thân hóa độ, trong thế không sai khác, hiện ra sai khác, mà mỗi mỗi cái sai khác hiện ra, đều là những cái sai khác của tánh thể không sai khác, gọi là Thiện hiện hạnh.

Vi trần và sát độ dung hợp, trong pháp tánh chân không như huyễn, lớn và nhỏ đều bình đẳng, mười phương thế giới hiện trong một vi trần, mà thế giới cũng không nhỏ bớt, vi trần cũng không lớn thêm, vi trần và thế giới không ngăn ngại nhau, gọi là Vô trước hạnh.

Tất cả các pháp đồng một pháp giới tánh, bình thường nhật dụng đều là cảnh giới bất tư nghì, tất cả đều là đệ nhất nghĩa Ba-la-mật, gọi là Tôn trọng hạnh.

Viên dung được như vậy, có thể thành tựu quý tặc của chư Phật mười phương gọi là Thiện pháp hạnh.

Tất cả các hạnh đều không rời thật tướng, không có sinh diệt, không có ngăn trở, đều là Tự tánh thanh tịnh tâm, gọi là Chân thật hạnh.

Chi 5: *Thập hồi hướng.*

Mười Thánh vị sau nữa là Thập hồi hướng.

Các vị tu hành, trí tuệ mở mang, phương tiện đầy đủ, trong nhất chân pháp giới làm các Phật sự, đồng thời xa rời những vọng tưởng còn sót lại, đương lúc hóa độ chúng sinh, diệt các tướng năng độ, sở độ, xoay tâm vô hướng về tự tánh Niết-bàn,

gọi là Cứu hộ chúng sinh, Ly chúng sinh tướng hồi hướng, nghĩa là hồi hướng cứu giúp tất cả chúng sinh mà rời bỏ tướng chúng sinh.

Diệt trừ những cái có thể diệt trừ, xa rời tất cả các sự xa rời, gọi là Bất hoại hồi hướng.

Tánh bản giác yên lặng, bình đẳng với giác tâm chư Phật, gọi là Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng.

Tánh bản giác được phát minh, tất cả các lý địa đều đồng như Phật địa, gọi là Chí nhất thiết xứ hồi hướng.

Lý địa và bản giác, thế giới và Như Lai, cũng như căn thân và khí giới, đều viên dung vô ngại, gọi là Vô tận công đức tạng hồi hướng.

Trong chỗ lý trí viên dung, đồng như Phật địa, phát huy những nhân hạnh thanh tịnh, hồi hướng đạo Niết-bàn, gọi là Tùy thuận bình đẳng căn thiện hồi hướng.

Bình đẳng căn thiện đã thành tựu, viên chứng được tự tánh thanh tịnh tâm, nhận thấy mười phương chúng sinh đều đồng một Như Lai tạng tánh, đều đã thành Phật đạo, gọi là Tùy thuận đẳng quán nhất thiết chúng sinh hồi hướng, nghĩa là hồi hướng thuận theo bản lai tự tánh, quán tất cả chúng sinh, tất cả chư Phật đều bình đẳng, không hai không khác và tất cả những sự sống chết, tất cả những hạnh hóa độ, chỉ là những biểu hiện như huyền trong Nhất chân pháp giới.

Tức tất cả là pháp, ly hết tất cả các tướng, và cả cái tức, cái ly, đều không dính dáng, gọi là Chân như tướng hồi hướng.

Không tức, không ly, thể tánh chân như cùng khắp mười phương, tự tại độ sinh, không gì ngăn ngại, gọi là Vô phược giải thoát hồi hướng.

Trong Nhất chân pháp giới, tất cả sự vật đều bình đẳng như hư không, gọi là Pháp giới vô lượng hồi hướng.

Chi 6: *Tứ gia hạnh.*

Tiếp theo mười vị hồi hướng là bốn vị gia hạnh:

Pháp giới bình đẳng, tánh đức được viên thành, chỗ giác ngộ như Phật, tức lấy cái Phật giác dùng làm tâm mình, diệt trừ các phân biệt pháp chấp nhỏ nhiệm, cũng như khi dùi cho ra lửa để đốt cái cây, mà mới có hơi ấm, gọi là Noãn địa.

Lấy cái tâm mình, thành chỗ nương đứng của Phật, như lên núi cao, thân đã vào hư không mà bên dưới còn chút ngăn ngại, gọi là Đảnh địa.

Tâm và Phật đồng nhau, tâm và Phật đều không thể phân biệt, không phải quên, không phải nhớ, khéo được trung đạo,

gọi là Nhẫn địa.

Mê, ngộ bình đẳng, gọi là trung đạo và cả cái trung đạo cũng không còn nữa, gọi là Thế đệ nhất địa.

Chi 7: Thập địa.

Sau bốn vị tứ gia hạnh là Thập địa.

Qua thế đệ nhất địa, diệt trừ được những pháp tướng mê lầm, giác ngộ, và diệt được cả pháp tướng phi mê, phi giác tức là trung đạo, thì bình đẳng với bất bình đẳng cũng đều bình đẳng, bản lai tự tánh viên dung vô ngại hiện tiền trong nhật dụng, chỗ giác ngộ đã cùng tột cảnh giới chư Phật, diệt trừ được phân biệt ngã chấp, và phân biệt pháp chấp, bắt đầu được pháp lạc, nên gọi là Hoan hỷ địa, tức là Sơ địa.

Tất cả những tánh sai khác đều vào một tánh “đồng” và tánh “đồng” cũng diệt, gọi là Ly cấu địa.

Nội tâm càng thanh tịnh, trí tuệ càng sáng suốt, gọi là Phát quang địa.

Trí tuệ được sáng suốt tột bậc, thì giác ngộ được viên mãn, gọi là Diệm tuệ địa.

Tất cả những cái đồng, cái khác không thể đến được, chân đế và tục đế viên dung không hai, gọi là Nan thắng địa.

Vô vi chân như không nhiễm, không tịnh, thường thường hiện tiền, tự tánh chân như lộ rõ, gọi là Hiện tiền địa.

Tất cả đều là chân như, không có gì không phải chân như, cùng tột bờ bến chân như, gọi là Viễn hành địa.

Một tâm chân như, thường trụ không thay đổi, gọi là Bất động địa.

Phát ra cái dụng của chân như, hiện ra vô số thân hóa độ chúng sinh, đầy đủ bốn trí vô ngại, gọi là Thiện tuệ địa.

Tu tập hoàn thành, công đức đầy đủ, từ bi trí tuệ viên mãn, đủ sức che chở vô lượng chúng sinh, gọi là Pháp vân địa, tức là Thập địa Bồ-tát.

Chi 8: Kết thúc bằng hai quả vị Đẳng giác và Diệu giác.

Như Lai từ cực quả, thương xót chúng sinh đi ngược vào bể sinh tử mà hóa độ, Bồ-tát theo lời Phật dạy, từ bể sinh tử, phát căn bản trí, trải qua các vị tu hành, thuận theo bản tánh, đi đến Phật quả; đến đây, Bồ-tát đã được đồng một giác tánh bình đẳng với Như Lai, nên gọi là Đẳng giác.

Đến Đẳng giác rồi, giác ngộ sinh tướng vô minh thì chứng được Nhân địa Như Lai, tức là Diệu giác, chuyển dị thực thức thành bạch tịnh thức, nhập một với pháp giới tánh là then chốt của nhân quả, vào kim cương đạo và được bậc Sơ càn tuệ địa trong kim cương tâm. Từ đó, phát ra đại dụng của pháp giới tánh, nhiệm vận độ sinh theo diệu dụng

của pháp giới tánh, Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết trí trí, tùy duyên hóa hiện, độ thoát chúng sinh, như hạt châu Ma ni ánh ra nhiều sắc, mà vẫn không lúc nào rời tự tánh thanh tịnh Niết-bàn, cho đến tốt bậc nhân quả đồng thời và thành Phật đạo.

Nói tóm lại, người tu hành vào Càn tuệ địa, rồi lần lượt đi lên các bậc Thập tín, Thập trụ, Thập hạnh, Thập hồi hướng, Noãn địa, Đảnh địa, Nhẫn địa, Thế đệ nhất địa, Thập địa, Đẳng giác cho đến Diệu giác, cộng lại mười hai bậc hoặc đơn hoặc kép, đều do nương theo chánh pháp tu pháp chỉ quán, từ chánh kiến mà vào thật chứng, nghĩa là, khi Căn bản trí bắt đầu nảy nở ở Càn tuệ địa thì phát huy mãi mãi Căn bản trí đối trị phiền não chướng và sở tri chướng, đi đến nhập một với pháp giới tánh, viên thành vô lượng vô biên công đức. Đó là đường lối tu hành đạo Đại Bồ-đề chân chánh. Từ khi phát tâm đến quả vị rốt ráo, đều một mặt thuận theo bản lai tự tánh mà tu trì, tự tánh làm nhân, Niết-bàn làm quả, đến nơi mới biết bản lai tự tánh chỉ ở trước mắt, không hề sinh diệt, không hề lay động, không có gì đáng gọi là mê và cũng không có gì đáng gọi là ngộ.

Mục 7: CHỈ DẠY TÊN KINH

Chánh văn:

Bấy giờ, Pháp vương tử Văn-thù-sư-lợi, ở trong đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đảnh lễ nơi chân Phật, bạch Phật:

- Nên gọi kinh này là gì? Con và chúng sinh phải phụng trì thế nào?

Phật bảo Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi:

- Kinh này tên là “Đại Phật đảnh tất đất đa bát đất ra, vô lượng bảo ấn, mười phương Như Lai thanh tịnh hải nhân”. Cũng gọi là “Cứu hộ thân nhân, độ thoát A-nan cập thử hội trung tánh Tỳ-kheo ni, đắc Bồ-đề tâm, nhập biến tri hải”. Cũng gọi là “Như Lai mật nhân, tu chứng liễu nghĩa”. Cũng gọi là “Đại phương quảng Diệu liên hoa vương, mười phương Phật mẫu Đà la ni chú”. Cũng gọi là “Quán đảnh chương cú, chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ lăng nghiêm”. Các ông nên theo đấy mà phụng trì.

*** Chú thích:**

Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi xin Phật chỉ dạy tên kinh này để phụng trì, Phật dạy kinh này có năm tên là: “Đại Phật đảnh Tất-đất-đa-bát-đất-ra, vô thượng bảo ấn, mười phương Như Lai thanh tịnh hải nhân”, là “Cứu hộ thân nhân, độ thoát A-nan cập thử Hội trung Tánh Tỳ-kheo ni, đắc Bồ-đề tâm, nhập biến tri hải”, là “Như Lai mật nhân, tu chứng liễu nghĩa.”, là “Đại phương quảng diệu liên hoa vương, mười phương Phật mẫu đà la ni chú”, là “Quán đảnh chương cú, chư Bồ-tát vạn hạnh Thủ lăng nghiêm”. Trong năm tên kinh, có tên về Hiển giáo, có tên về Mật giáo, nhưng đều chỉ rõ kinh này chú trọng về căn bản trí, tức nơi mê lầm của chúng sinh, chuyển thức thành ra trí mà được giác ngộ. Chính vì thế, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi đứng ra thỉnh Phật chỉ dạy tên kinh, vì Bồ-tát Văn-thù tiêu biểu cho căn bản trí.

Mục 8: NGHE PHÁP ĐƯỢC TĂNG TIẾN.

Chánh văn:

Phật nói lời ấy rồi, liền khi đó, A-nan và cả đại chúng được nhờ Đức Như Lai khai thị ý nghĩa mật ấn Bát-đất-ra, lại nghe được những tên gọi liễu nghĩa của kinh này, liền ngộ được diệu lý tăng thượng để tu tiến vào các Thánh vị trong Thiên na, tâm niệm trống rỗng, đứng lặng, đoạn trừ được sáu phẩm phiền não vi tế trong tư hoặc nơi ba cõi.

*** Chú thích:**

Tôn giả A-nan và cả đại chúng nghe Phật khai thị mật ấn và tên kinh, được giác ngộ thêm nhiều và đoạn trừ được sáu phẩm tư hoặc ba cõi, đó là vì lý tuy đã đốn ngộ, nhưng sự thì phải tiệm trừ, lại các vị thuận theo bản tánh mà viên tu, một vị tức là tất cả các vị, tất cả các vị tức là một vị, nên khi đoạn sáu phẩm tư hoặc, thì chỗ giác ngộ lắm khi còn cao hơn các vị A-la-hán Tiểu thừa.